

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 584/2025/HC-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2025
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi nhà
nước thu hồi đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 103/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 111/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2152/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Trần T, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt.

2. **Người bị kiện:**

2.1. Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng Chủ tịch UBND xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), có văn bản xin vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng Chủ tịch UBND xã L, Thành phố Hồ Chí Minh), có văn bản xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L: Ông Nguyễn Quang N – Chuyên viên Phòng kinh tế của Ủy ban nhân dân xã L, có mặt.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (Kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H), vắng mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần T – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Trần T trình bày:

Ông Trần T có diện tích đất 7.008,0m² (gồm 3.433,0m² đất trồng cây hàng năm và 3.575,0m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 230+333, tờ bản đồ số 10 tại Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 403596 do Ủy ban nhân dân thành phố V (viết tắt UBND thành phố V) cấp ngày 18/5/2009.

Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5151/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Trần T, địa chỉ 5 B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V. Theo đó, áp dụng giá đất tính bồi thường tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B: Diện tích đất thu hồi 7.008,0m²; Diện tích đất bồi thường 6.679,2m² đất nông nghiệp (205,8m² vị trí 3, khu vực 1; 1.880,4m² vị trí D, khu vực 1; 1.992,5m² vị trí 1, khu vực 2; 1.988,9m² vị trí 2, khu vực 2; 611,6m² vị trí 3, khu vực 2). Diện tích đất chưa bồi thường 328,8m² do chồng lấn với phần diện tích đã được cấp Giấy cho bà Mai Thị N1 (chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền); bồi thường hoa màu (cây tràm). Tại điểm E/ Các khoản trợ cấp, hỗ trợ: Không; điểm G/ Tái định cư: Không.

Sau đó, ông Trần T có đơn khiếu nại ngày 16/7/2018 yêu cầu bồi thường bổ sung đủ diện tích 7.008,0m², xem xét vị trí đất tính bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 17/12/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 8631/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T với nội dung: Bác nội dung khiếu nại đối với yêu cầu: Xem xét lại vị trí đất và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho đủ diện tích 7.008,0m² (đã bồi thường 6.679,2m², còn 328,8m² chưa bồi thường, lý do đang chồng lấn với diện tích đã cấp giấy cho bà Mai Thị N1 chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền).

Sau đó, ông Trần T tiếp tục có đơn khiếu nại lần hai. Ngày 24/6/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1568/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V (thay thế Quyết định số: 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B).

Ngày 10/12/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 6552/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) T, địa chỉ Thôn A, xã L, thành phố V để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn 2) tại xã L, thành phố V). Phần phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại mục 1, Điều 1 của Quyết định này thay thế phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại mục 2, Điều 1 của Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V; các nội dung khác tại Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V là không thay đổi.

Theo đó, áp dụng giá đất tính bồi thường tại Quyết định số: 1568/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh B) với nội dung bồi thường 6.679,2m² đất nông nghiệp vị trí 5, khu vực 1; chưa bồi thường 328,8m² do chồng lấn với phần diện tích đã được cấp giấy cho bà Mai Thị N1 (chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền); bồi thường hoa màu (cây tràm); tại điểm Đ/ Các khoản trợ cấp, hỗ trợ: Không; điểm E/ Tái định cư: Không.

Ngày 15/01/2020, ông Trần T có đơn kiến nghị với nội dung đề nghị giao 01 lô đất ở để xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án trên.

Ngày 13/5/2020, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 1191/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T bác đơn khiếu nại của ông Trần T về yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, giữ nguyên nội dung Quyết định số: 8631/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 02/7/2020, UBND thành phố V ban hành Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ về việc trả lời đơn xin giao đất ở của ông Trần T thuộc Dự án, theo đó: Không có cơ sở giao đất tái định cư, trường hợp UBND tỉnh xác định cụ thể, chi tiết nội dung “trường hợp thu hồi nhiều đất nông nghiệp” và gia đình ông T thực sự khó khăn về chỗ ở thì sẽ giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5189/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà) Trần T với nội dung bồi thường bổ sung 328,8m² đất nông nghiệp vị trí 5, khu vực 1. Tổng số tiền bồi thường bổ sung là 104.229.600 đồng.

Do đó, ông Trần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Hủy Quyết định số 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T; Hủy Quyết định số 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Hủy Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Hủy Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của ông Trần T; hủy Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông Trần T;

Buộc UBND thành phố V xem xét lại vị trí đất bồi thường là vị trí đất 3; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông Trần T.

- *Tại Văn bản số 9338/UBND-PTQĐ ngày 23/11/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V có ý kiến:*

Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5151/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V. Theo đó, UBND Thành phố chưa tính bồi thường diện tích 328,8m² (vị trí 3, khu vực 2) đang có chồng lấn, do đó chờ giải quyết tranh chấp và đã tính bồi thường diện tích 6.679,2m² đất nông nghiệp (trong đó có: 205,8m² vị trí 3, khu vực 1; 1.880,4m² vị trí D, khu vực 1; 1.992,5m² vị trí 1, khu vực 2; 1.988,9m² vị trí 2, khu vực 2; 611,6m² vị trí 3, khu vực 2). Việc xác định vị trí, khu vực đất thu hồi và bồi thường như trên là căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 1 và Khoản 1 Điều 2 Phụ lục danh mục đường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kèm theo Quyết định số: 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B.

Giá đất được tính bồi thường cho ông Trần T được áp dụng tại Quyết định số: 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V. Ngày 24/6/2019, UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1568/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V (thay thế cho giá đất tính bồi thường tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B).

Ngày 10/12/2019, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6552/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần T (thay thế phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V); đồng thời tại thời điểm này, Quyết định số: 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B đang có hiệu lực (thay thế Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh). Theo đó, tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh có sự thay đổi về phương pháp xác định vị trí, khu vực để tính bồi thường về đất, bổ sung một số tuyến đường nội bộ của Khu Tái định cư L. Theo Bản đồ địa chính xã L năm 2002 và Bản đồ thu hồi đất của dự án Khu Tái định cư L (giai đoạn 2) thì vị trí đất của ông Trần T được xác định lại vị trí 5, khu vực 1 (căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 1 và Khoản 1 Điều 2; Điều 4 Phụ lục danh mục đường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh).

Từ những nội dung nêu trên, UBND thành phố V đã tính bồi thường đất cho ông Trần T theo vị trí 5, khu vực 1 là hoàn toàn đúng theo quy định tại Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B (thời điểm phê duyệt phương án, Quyết định này đang có hiệu lực pháp luật). Do đó, việc ông Trần T

yêu cầu xem xét lại vị trí đất bồi thường là vị trí 2 là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với nội dung xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề vì không còn đất để canh tác: Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ pháp lý có liên quan, nhận thấy trường hợp ông Trần T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 5 đường B, phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2010. Đến ngày 05/9/2017, ông Trần T chuyển hộ khẩu về thường trú tại Thôn A, xã L, thành phố V (Theo sổ hộ khẩu số 4567-LS do Công an thành phố V cấp ngày 05/9/2017); đồng thời, tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, theo xác nhận của UBND xã L tại T biên bản phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng lập ngày 28/12/2017 có nêu: “Hộ gia đình ông Trần T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất bị thu hồi”.

Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017); khoản 1, 2 Điều 25 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B (Quy định có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất); khoản 1 Điều 17 Quyết định số: 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh B, hộ ông Trần T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất thu hồi nên việc ông T yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Đối với nội dung hỗ trợ tái định cư vì hiện tại không có nhà ở: Trường hợp ông Trần T thu hồi toàn bộ là đất nông nghiệp (không thu hồi đất ở); trên phần đất thu hồi không có nhà ở bị thu hồi, giải tỏa. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Điều 5 Quyết định số: 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B (Quy định có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất) thì trường hợp ông Trần T không đủ điều kiện để giao đất tái định cư.

Từ những nội dung trên, UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

- *Tại Văn bản số 15351/UBND-VP ngày 23/10/2024 người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có ý kiến:* Xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 111/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 30 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Quyết định số: 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về yêu cầu:

- Hủy các quyết định: Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 8631/QĐ-UBND ngày

17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T; Quyết định số: 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của ông Trần T; Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Trần T;

- Buộc UBND thành phố V xem xét lại vị trí đất bồi thường từ vị trí 5 thành vị trí 2; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông Trần T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc giao đất tái định cư hoặc đất ở mới cho ông Trần T; về miễn án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2025, người khởi kiện ông Trần T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Trần T giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm với các lý do: UBND thành phố V căn cứ vào báo cáo của Thanh tra là không hợp pháp vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T giáp với đường đất; căn cứ kết luận bản đồ địa chính ngày 24/10/2024 thì con đường đã tồn tại từ trước và không phải đường tự mở nhưng Toà sơ thẩm xác định phần đất của ông T tại vị trí 5 là sai thực tế làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T; Về hỗ trợ chuyển đổi nghề, xác nhận ông T không có hộ khẩu tại địa phương trong khi pháp luật quy định người trực tiếp sản xuất là người sử dụng đất hợp pháp và tại biên bản kiểm kê ngày 12/5/2017 xác nhận trên đất của ông T có trồng cây lâu năm nên ông T đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề khi nhà nước thu hồi đất chưa được xem xét.

Do đó, ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T: Hủy các quyết định: Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T; Quyết định số: 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của ông Trần T; Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Trần T; Buộc UBND thành phố V xem xét lại vị trí đất bồi thường từ vị trí 5 thành vị trí 2; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông Trần T.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND xã L có ý kiến:*
Căn cứ vào Điều 4 của Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh B, UBND thành phố V xác định phần đất của ông T bị thu hồi có vị trí 5 là đúng quy định. Đối với lỗi đi nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông tạo cho rằng phần đất của ông bị thu hồi thuộc vị trí 2 là không đúng; về yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề: Theo xác nhận của UBND xã L thì ông T không trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nên không đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện ông Trần T kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét thấy bản án hành chính sơ thẩm xem xét, giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND Thành phố H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã L có văn bản xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Ông Trần T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định: Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T; Quyết định số: 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số:

1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của ông Trần T; Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Trần T; ông T yêu cầu buộc UBND thành phố V xem xét lại vị trí đất bồi thường từ vị trí 5 thành vị trí 2; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông Trần T.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

- UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Trần T là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T; Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của về việc trả lời đơn của ông Trần T đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 22, 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các Điều 18, 21 Luật Khiếu nại 2011.

[4] Về căn cứ ban hành các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Ông Trần T có diện tích đất 7.008,0m² (gồm 3.433,0m² đất trồng cây hàng năm và 3.575,0m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa số 230+333, tờ bản đồ số 10 tại Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 403596 do Ủy ban nhân dân thành phố V (viết tắt UBND thành phố V) cấp cho ông Trần T ngày 18/5/2009.

Ngày 03/7/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5151/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần T để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V. Theo đó, thu hồi diện tích 7.008,0m² và diện tích bồi thường là 6.679,2m² thuộc một phần các thửa 30+172 tờ bản đồ thu hồi đất (Bản đồ địa chính thuộc các thửa 230+333 tờ bản đồ số 10), trong đó có: 205,8m² vị trí 3, khu vực 1; 1.880,4m² vị trí D, khu vực 1; 1.992,5m² vị trí 1, khu vực 2; 1.988,9m² vị trí 2, khu vực 2; 611,6m² vị trí 3, khu vực 2 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất là 1.691.899.000 đồng (Theo quyết định số: 1924/QĐ-UBND ngày

13/7/2017 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V); diện tích đất chưa bồi thường là 328,8m² (do đang có chồng lấn với diện tích đã được cấp giấy cho bà Mai Thị N1, chờ giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Ngày 16/7/2018, ông Trần T có đơn khiếu nại yêu cầu UBND thành phố V bồi thường đủ diện tích 7.008m² đất; xem xét lại vị trí đất để tính bồi thường; yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 17/12/2018, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 8631/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần T với nội dung bác đơn khiếu nại của ông T yêu cầu xem xét lại vị trí đất để tính bồi thường; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bồi thường đủ diện tích 7.008m² đất (do đã bồi thường 6.679,2m² còn 328,8m² chưa bồi thường lý do đang chồng lấn với diện tích đã được cấp giấy cho bà Mai Thị N1, chờ giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ông Trần T tiếp tục làm đơn khiếu nại.

Căn cứ Quyết định số: 1568/QĐ-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V (thay thế cho giá đất tính bồi thường tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B); UBND thành phố V ban hành Quyết định số 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần T để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V. Theo đó, bồi thường là 6.679,2m² thuộc một phần các thửa 30+172 tờ bản đồ thu hồi đất (Bản đồ địa chính thuộc các thửa 230+333 tờ bản đồ số 10 đất nông nghiệp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 403596) có vị trí 5 khu vực 1 với tổng số tiền là 2.117.306.400 đồng. Diện tích đất chưa bồi thường là 328,8m² (do đang có chồng lấn với diện tích đã được cấp giấy cho bà Mai Thị N1, chờ giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

Ngày 13/5/2020, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T (lần hai) với nội dung bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 8631/QĐ-UBND Ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND Thành phố V.

Ngày 15/01/2020, ông Trần T làm đơn yêu cầu UBND thành phố V giao cho ông T một lô đất ở để xây nhà ở ổn định cuộc sống. Ngày 02/7/2020, UBND thành phố V ban hành Công văn số: 4542/UBND-PTQĐ không chấp nhận yêu cầu của ông T về yêu cầu được một lô đất để xây nhà ở ổn định cuộc sống do ông T bị thu hồi đất nông nghiệp, trên đất không có nhà ở.

Đến ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5189/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông Trần T địa chỉ tại thôn A xã L, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V, theo đó đã bồi thường, hỗ trợ bổ sung 328,80m² đất nông nghiệp vị trí 5, khu vực 1 với tổng số tiền 104.229.600 đồng.

[5] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu xác định vị trí đất của ông T và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề khi Nhà nước thu hồi đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Xét về vị trí đất của ông T để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi:

Ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND xác định vị trí, khu vực để tính bồi thường về đất, bổ sung một số tuyến đường nội bộ của Khu Tái định cư L (thay thế quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh B).

Ngày 24/6/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 1568/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư L (giai đoạn II) tại xã L, thành phố V (thay thế cho giá đất tính bồi thường tại Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh B).

Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 2002 và bản đồ thu hồi đất, xác định phần đất của ông Trần T bị thu hồi có con đường đất cấp theo đất ông T là đường đất do dân tự mở, diện tích con đường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân; UBND thành phố V xác định phần đất của ông T bị thu hồi là vị trí 5, khu vực 1 theo quy định tại khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 2; Điều 4 Phụ lục danh mục đường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kèm theo Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B xác định vị trí, khu vực để tính bồi thường về đất, bổ sung một số tuyến đường nội bộ của Khu Tái định cư L là có căn cứ.

Do đó, Ngày 10/12/2019 UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 6552/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Trần T (thay thế phương án bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V) để bồi thường cho ông T 6.679,2m² thuộc một phần các thửa 30+172 tờ bản đồ thu hồi đất (Bản đồ địa chính thuộc các thửa 230+333 tờ bản đồ số 10 đất nông nghiệp thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 403596) có vị trí 5 khu vực 1 với tổng số tiền là 2.117.306.400 đồng; đến ngày 16/10/2020, UBND thành phố V ban hành Quyết định số: 5189/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung cho ông Trần T đối với diện tích còn lại là 328,80m² đất nông nghiệp vị trí 5, khu vực 1 với tổng số tiền 104.229.600 đồng là có căn cứ.

[5.2] Về yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi, tìm kiếm việc làm:

Tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013 quy định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Đồng thời tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017) quy định: *“...Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá*

nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N2, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm... ”.

Thủ tục xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và điểm d khoản 1; điểm c, d khoản 4 Điều 3 Thông tư số: 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T1. Theo đó, khi có biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị xác nhận đến UBND dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có văn bản gửi UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và UBND cấp xã nơi có đất đề nghị xác nhận. UBND cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xác nhận hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp sau khi có văn bản xác nhận về việc sử dụng đất nông nghiệp của UBND cấp xã nơi có đất.

Theo biên bản kiểm đếm, thống kê về nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 12/5/2017 xác định trên phần đất thu hồi 7.008,0m² của ông T có: 07 cây tràm phi 20; 27 cây tràm phi 15; 65 cây tràm phi 10; 167 cây tràm phi 5; 215 cây tràm phi 2; 115 cây tràm con. Toàn bộ cây tràm đã kiểm kê để tính bồi thường. Tuy nhiên tại thời điểm kiểm đếm, thống kê tài sản ngày 12/5/2017 thì ông T có hộ khẩu thường trú tại số E đường B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 05/9/2017 ông T mới chuyển hộ khẩu về địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do đó, UBND xã L, thành phố V đã xác nhận hộ ông Trần T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần đất bị thu hồi là có căn cứ.

Do hộ ông Trần T không trực tiếp sản xuất nông nghiệp và không có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp, nên ông T không đủ điều kiện để được hỗ trợ chuyển đổi nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 của Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ) quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

[5.3] Ông Trần T khiếu nại yêu cầu UBND thành phố V xem xét lại vị trí đất của ông T bị thu hồi và yêu cầu được hỗ trợ chuyển đổi nghề là chưa có căn cứ để chấp nhận. Do đó, ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 không chấp nhận khiếu nại của ông T.

Ông T tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần T (lần hai) với nội dung bác khiếu nại của ông T, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu

nại lần đầu số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T là có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu xác định vị trí đất của ông T bị thu hồi là vị trí 2 và ông T yêu cầu được xem xét hỗ trợ chuyển đổi nghề khi nhà nước thu hồi đất là chưa có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông Trần T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[8] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc giao đất tái định cư hoặc đất ở mới cho ông Trần T; về miễn án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 111/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh):

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 30 Điều 3, điểm c khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; Điều 4 Quyết định số: 33/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh B; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về yêu cầu :

- Hủy các quyết định: Quyết định số: 5151/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 8631/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu

của ông Trần T; Quyết định số: 6552/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần T do Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư L (giai đoạn II); Quyết định số: 1191/QĐ-UBND ngày 13/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Trần T; Văn bản số: 4542/UBND-PTQĐ ngày 02/7/2020 của UBND thành phố V về việc trả lời đơn của ông Trần T; Quyết định số: 5189/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông Trần T;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V xem xét lại vị trí đất bồi thường từ vị trí 5 thành vị trí 2; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ông Trần T.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Trần T được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Trần T về việc giao đất tái định cư hoặc đất ở mới cho ông Trần T; về miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trần T không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**